

BẢN SAO

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
ĐỊA CHẤT MỎ - TKV

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

PHƯỜNG C
D. N. C

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT MỎ - TKV

Địa chỉ: Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán	6 - 7
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	8 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách	12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13
- Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 31

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT MỎ - TKV

Địa chỉ: Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV tiền thân là Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Công ty Địa chất Mỏ - TKV).

Thực hiện đề án hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại công văn số 1317/TTG - ĐMDN ngày 26/07/2010, Hội đồng thành viên Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã ban hành quyết định số 2322/QĐ-HĐTV ngày 28/9/2010 về việc phê duyệt Đề án chuyển Công ty Địa chất Mỏ - TKV, đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ, thành Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - Vinacomin (có hiệu lực từ ngày 01/10/2010) do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ. Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH MTV số 5701436805, đăng ký lần đầu ngày 27/10/2010.

Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh lần lượt chứng nhận tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV thay đổi lần thứ 5, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 17/12/2014 với mã số doanh nghiệp là 5701436805.

2. Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc

Chủ tịch Công ty và các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Chủ tịch Công ty

Họ và tên:

- Ông Nguyễn Văn Thành

Chức vụ:

Chủ tịch Công ty

Thành viên Ban Giám đốc

Họ và tên:

- Ông Vũ Văn Mạnh

- Ông Lê Văn Lân

- Ông Nguyễn Văn Nhật

- Ông Nguyễn Bá Lượng

- Ông Phạm Văn Ngôn

Chức vụ:

Giám đốc

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc (từ ngày 01/05/2014) (i)

Phó Giám đốc (từ ngày 01/05/2014) (ii)

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT MỎ - TKV

Địa chỉ: Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

- (i) Theo Quyết định số 383/QĐ-ĐCM ngày 26/04/2014 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - Vinacomin.
- (ii) Theo Quyết định số 384/QĐ-ĐCM ngày 26/04/2014 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - Vinacomin.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh và 01 chi nhánh hạch toán phụ thuộc Công ty là Xí nghiệp Địa chất Đông Triều có địa chỉ tại thôn Trại Hà, xã Yên Thọ, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

4. Hoạt động chính

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, hoạt động chính của Công ty là: Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Dịch vụ phục vụ đồ uống; Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

6. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã thực hiện tái cơ cấu theo quyết định số 731/QĐ-TKV ngày 08/04/2014 về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - Vinacomin của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, cụ thể như sau:

Từ ngày 01/05/2014, các Chi nhánh trực thuộc Công ty gồm: Xí nghiệp Địa Chất Cẩm Phả, Xí nghiệp Trắc địa - Bản đồ, Xí nghiệp Dịch vụ du lịch địa chất chấm dứt hoạt động; Đồng thời chuyển toàn bộ chức năng nhiệm vụ, lao động, tài sản ... của Chi nhánh về Công ty trực tiếp quản lý.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 5701436805, thay đổi lần 5 ngày 17/12/2014.

7. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Thực hiện Quyết định số 119/QĐ-TKV ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV, Công ty đang thực hiện các công việc để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV.

Ngoài ra, đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

8. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty.

9. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu trên.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT MỎ - TKV

Địa chỉ: Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

10. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Mạnh

Số: 579/2015/BCKT-AFCVN

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV.

Kính gửi: Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV được lập ngày 20 tháng 03 năm 2015 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 8 đến trang 31 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam



Nguyễn Hồng Quang
Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0576-2013-009-1

Nguyễn Trung Thành
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
1673-2013-009-1

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT MỎ - TKV

Địa chỉ: Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

TÀI SẢN NGẮN HẠN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		219.624.809.581	297.498.971.276
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.795.015.833	721.602.142
Tiền	111		1.795.015.833	721.602.142
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		206.293.366.390	284.004.903.065
Phải thu khách hàng	131		188.405.074.026	273.420.580.986
Trả trước cho người bán	132		73.010.470	586.217.520
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Các khoản phải thu khác	135	5.2	17.923.300.093	9.998.104.559
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(108.018.199)	-
Hàng tồn kho	140	5.3	11.492.953.274	12.737.963.018
Hàng tồn kho	141		12.103.253.250	12.737.963.018
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(610.299.976)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		43.474.084	34.503.051
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		25.800.000	24.618.180
Thuế và các khoản phải thu N. Nước	154	5.4	12.713.084	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		4.961.000	9.884.871
Chi sự nghiệp			-	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		89.256.297.793	76.119.421.771
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		70.772.699.997	64.502.172.883
TSCĐ hữu hình	221	5.5	48.177.977.280	53.781.087.440
- Nguyên giá	222		255.111.793.187	253.580.574.416
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(206.933.815.907)	(199.799.486.976)
TSCĐ vô hình	227	5.6	1.838.080.018	1.928.349.638
- Nguyên giá	228		3.129.315.304	3.129.315.304
- Giá trị khấu hao lũy kế	229		(1.291.235.286)	(1.200.965.666)
Chi phí XDCB dở dang	230	5.7	20.756.642.699	8.792.735.805
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		18.483.597.796	11.617.248.888
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	18.483.597.796	11.617.248.888
Tài sản dài hạn khác	268		-	-

TỔNG CỘNG TÀI SẢN		0	308.881.107.374	373.618.393.047
-------------------	--	---	-----------------	-----------------

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT MỎ - TKV

Địa chỉ: Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

NỢ PHẢI TRẢ	300		228.133.682.621	297.596.833.714
Nợ ngắn hạn	310		210.083.250.392	257.457.228.460
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	81.072.508.767	115.239.851.843
Phải trả người bán	312		55.612.269.401	50.865.477.854
Người mua trả tiền trước	313		-	-
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	12.198.085.733	20.096.667.479
Phải trả người lao động	315		39.457.858.607	51.245.690.824
Chi phí phải trả	316	5.11	3.324.151.416	9.012.305.500
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	318		-	-
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	5.619.943.626	1.581.476.720
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		12.798.432.842	9.415.758.240
Nợ dài hạn	330		18.050.432.229	40.139.605.254
Vay và nợ dài hạn	334	5.13	18.050.432.229	40.139.605.254
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		80.747.424.753	76.021.559.333
Vốn chủ sở hữu	410	5.14	80.747.424.753	76.021.559.333
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.747.424.753	62.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	7.098.008.933
Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		-	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	6.923.550.400
Nguồn kinh phí	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CÔNG NGHỊN VỐN	110		308.881.107.374	373.618.393.047

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT MỎ - TKV

Địa chỉ: Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tài sản thuê ngoài	-	-
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
Ngoại tệ các loại (USD)	-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Quảng Ninh ngày 20 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Hồng Lan

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Kim Dung

CHẤM ĐÓC



Vũ Văn Mạnh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT MỎ - TKV

Địa chỉ: Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	434.253.426.753	423.652.235.557
Các khoản giảm trừ	02	6.2	1.368.039.162	897.647.634
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10	6.3	432.885.387.591	422.754.587.923
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.4	379.843.018.215	375.517.745.530
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		53.042.369.376	47.236.842.393
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	108.142.715	288.473.690
Chi phí tài chính	22	6.6	7.121.526.717	11.319.778.972
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.890.948.879	10.746.239.006
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		37.087.637.936	27.896.255.487
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.941.347.438	8.309.281.624
Thu nhập khác	31		730.905.538	646.024.852
Chi phí khác	32		298.008.119	3.748.124.671
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		432.897.419	(3.102.099.819)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.374.244.857	5.207.181.805
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.062.333.869	2.188.061.091
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		7.311.910.988	3.019.120.714

Quảng Ninh ngày 20 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hồng Lan

Lê Thị Kim Dung

Vũ Văn Mạnh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT MỎ - TKV

Địa chỉ: Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

B	C	1	2	3	4=(1+2-3)
Thuế	10	20.095.437.479	20.721.553.240	28.632.743.070	12.184.247.649
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	17.920.009.559	16.577.244.256	23.446.392.466	11.050.861.349
Thuế GTGT hàng NK	12	-	-	-	-
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	13	142.061.829	1.368.039.162	1.394.158.334	115.942.657
Thuế Xuất, nhập khẩu	14	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	15	1.813.061.091	2.062.333.869	2.880.871.492	994.523.468
Thuế Tài nguyên	16	727.765	8.386.920	8.449.075	665.610
Thuế Nhà đất	17	-	-	-	-
Tiền thuê đất	18	106.310.776	298.107.052	417.130.912	(12.713.084)
Các khoản thuế khác	19	113.266.459	407.441.981	485.740.791	34.967.649
<i>Thuế môn bài</i>		-	8.000.000	8.000.000	-
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>		113.266.459	399.441.981	477.740.791	34.967.649
<i>Các loại thuế khác</i>		-	-	-	-
Các khoản phải nộp khác	30	1.230.000	14.175.000	14.280.000	1.125.000
Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí	32	1.230.000	14.175.000	14.280.000	1.125.000
Các khoản khác	33	-	-	-	-
TỔNG CỘNG (40=10+30)	40	20.096.667.479	20.735.728.240	28.647.023.070	12.185.372.649

Quảng Ninh ngày 20 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Lê Thị Thanh Hương




Lê Thị Kim Dung

Vũ Văn Mạnh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT MỎ - TKV

Địa chỉ: Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Lợi nhuận trước thuế	01	9.374.244.857	5.207.181.805
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	21.854.348.212	31.019.327.086
Các khoản dự phòng	03	718.318.175	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	230.577.838	573.539.966
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(391.856.791)	(399.511.440)
Chi phí lãi vay	06	6.890.948.879	10.746.239.006
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	38.676.581.170	47.146.776.423
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	77.595.729.263	(18.050.033.154)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	634.709.768	1.294.114.073
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(21.548.097.868)	25.777.673.204
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(6.867.530.728)	(920.464.124)
Tiền lãi vay đã trả	13	(6.817.356.431)	(11.319.098.769)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.880.871.492)	(6.590.716.920)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.114.084.687	3.073.501.272
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.299.056.280)	(13.597.397.139)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	76.608.192.089	26.814.354.866

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(19.439.541.277)	(25.394.159.453)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	368.534.545	341.360.749
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.322.246	58.150.691
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19.047.684.486)	(24.994.648.013)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	348.256.452.301	322.777.343.106
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(404.743.546.213)	(326.579.583.024)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(56.487.093.912)	(3.802.239.918)

LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM

Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	721.602.142	2.704.135.207
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.795.015.833	721.602.142

Quảng Ninh ngày 20 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

KIỂM ĐỌC



Nguyễn Thị Hồng Lan

Lê Thị Kim Dung

Văn Mạnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV tiền thân là Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Công ty Địa chất Mỏ - TKV).

Thực hiện đề án hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại công văn số 1317/TTG - ĐMDN ngày 26/07/2010, Hội đồng thành viên Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã ban hành quyết định số 2322/QĐ-HĐTV ngày 28/9/2010 về việc phê duyệt Đề án chuyển Công ty Địa chất Mỏ - TKV, đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ, thành Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - Vinacomin (có hiệu lực từ ngày 01/10/2010) do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ. Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - Vinacomin đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH MTV số 5701436805, đăng ký lần đầu ngày 27/10/2010, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV thay đổi lần thứ 5 số 5701436805 cấp ngày 17/12/2014. Theo đó ngành nghề kinh doanh của công ty được quy định bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;
- Khai thác muối;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Sản xuất máy chuyên dụng khác;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới ...);

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT MỎ - TKV

Địa chỉ: Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sửa chữa bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Phá dỡ;
- In ấn; và
- Sửa chữa thiết bị điện.

Công ty có trụ sở tại Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh và Chi nhánh hạch toán phụ thuộc Công ty là Xí nghiệp Địa chất Đông Triều có địa chỉ tại thôn Trại Hà, xã Yên Thọ, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 1.087 người, trong đó số cán bộ quản lý là 115 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đặc thù áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CĐKT ngày 20/12/2006; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

3 ĐƠN VỊ TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ là Đô la Mỹ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của các ngân hàng thương mại tại Công văn hướng dẫn của Vinacomin số 06/TKV-KT ngày 05/01/2015 là 21.380 VND/USD.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ không phải là Đô la Mỹ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc và đảm bảo ghi theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Giá trị nguyên vật liệu, Phương pháp nhập trước xuất trước.
CCDC, hàng hoá:
- Chi phí SXKD DD: Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hoá tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi tại doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.7 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ xuất dùng phân bổ không quá 2 năm, giá trị còn lại của các cần khoan thực hiện trong các công trình khoan được phân bổ dựa trên tỷ lệ tiêu hao thực tế và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

4.9 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí còn phải trả đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty thuộc sở hữu Nhà nước do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam trực tiếp quản lý.

Nguồn vốn kinh doanh được thể hiện trên báo cáo tài chính của Công ty bao gồm nguồn vốn Ngân sách Nhà nước cấp, nguồn vốn tự bổ sung từ lợi nhuận hàng năm.

Các quỹ được hình thành từ phân phối lợi nhuận của hoạt động kinh doanh của Công ty. Việc phân phối quỹ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

4.11 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT MỎ - TKV

Địa chỉ: Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.12 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định và lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

4.13 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu các mức thuế suất thuế GTGT như sau:

- | | |
|---|------|
| - Hoạt động địa chất và dịch vụ: | 10%. |
| - Các loại dịch vụ, vật tư hàng hoá khác: | 5%. |

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty tính và nộp thuế TNDN theo mức thuế suất 22%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong năm là chi phí thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.14 Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT MỎ - TKV

Địa chỉ: Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

		31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	5.134.132	227.111.412
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	1.789.881.701	494.490.730
Các khoản tương đương tiền		-	-
Cộng		1.795.015.833	721.602.142

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2014 bao gồm:

	VND
Đồng Việt Nam	5.134.132
Cộng	5.134.132

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng vào ngày 31/12/2014 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-
Đồng Việt Nam		1.789.881.701
<i>Ngân hàng TMCP ĐT & PT - CN Cẩm Phả</i>		<i>584.710.213</i>
<i>Ngân hàng TMCP ĐT & PT - CN Đông Triều</i>		<i>1.111.895</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương - CN Cẩm Phả</i>		<i>56.210.493</i>
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN QN</i>		<i>1.131.637.834</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN QN</i>		<i>16.211.266</i>
Cộng		1.789.881.701

5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Phải thu BHXH	206.387.615	6.879.136
Phải thu BHYT	187.493.879	454.718
Phải thu BHTN	25.157.971	-
Phải thu thuế TNCN	-	335.949.592
Doanh thu chưa xuất hóa đơn	17.429.454.970	9.634.612.533
Phải thu khác	74.805.658	20.208.580
Cộng	17.923.300.093	9.998.104.559

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.3 Hàng tồn kho

	<u>31/12/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
Nguyên liệu, vật liệu	7.767.082.239	9.665.975.525
Công cụ, dụng cụ	547.188.900	378.975.200
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.788.982.111	2.693.012.293
Cộng giá gốc hàng tồn kho	12.103.253.250	12.737.963.018
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(610.299.976)	-
Cộng	11.492.953.274	12.737.963.018
- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả:		
0 VND		
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 0 VND		
- Trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Không		

5.4 Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước

	<u>31/12/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
Tiền thuê đất, thuế đất	12.713.084	-
Cộng	12.713.084	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.5 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	40.956.717.337	153.783.173.661	57.857.466.087	983.217.331	253.580.574.416
- Mua trong năm	5.039.256.496	11.111.762.000	-	-	16.151.018.496
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(1.311.055.498)	(12.355.192.138)	(938.548.875)	-	(14.604.796.511)
- Giảm khác	(15.003.214)	-	-	-	(15.003.214)
Số dư cuối năm	44.669.915.121	152.539.743.523	56.918.917.212	983.217.331	255.111.793.187

GIÁ TRỊ HAO MÒN

Số dư đầu năm	22.443.662.062	131.242.432.866	45.130.174.717	983.217.331	199.799.486.976
- Khấu hao trong năm	2.711.240.286	13.433.101.953	5.596.519.686	-	21.740.861.925
- Hao mòn trong năm	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(1.311.055.498)	(12.355.192.138)	(938.548.875)	-	(14.604.796.511)
- Giảm khác	(1.736.483)	-	-	-	(1.736.483)
Số dư cuối năm	23.842.110.367	132.320.342.681	49.788.145.528	983.217.331	206.933.815.907

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày đầu năm	18.513.055.275	22.540.740.795	12.727.291.370	-	53.781.087.440
Tại ngày cuối năm	20.827.804.754	20.219.400.842	7.130.771.684	-	48.177.977.280

Trong đó: - Cầm cố, thế chấp:

- Đã hết khấu hao, đang sử dụng:

- TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:

136.418.070.236
40.570.921.022

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT MỎ - TKV

Địa chỉ: Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.6 Tài sản cố định vô hình

NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	2.042.311.138	1.087.004.166	3.129.315.304
- Mua trong năm	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	2.042.311.138	1.087.004.166	3.129.315.304
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư đầu năm	163.384.896	1.037.580.770	1.200.965.666
- Khấu hao trong năm	40.846.224	49.423.396	90.269.620
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	204.231.120	1.087.004.166	1.291.235.286
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	1.878.926.242	49.423.396	1.928.349.638
Tại ngày cuối năm	1.838.080.018	-	1.838.080.018

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
XDCB dở dang	20.756.642.699	8.792.735.805
- Khoản ĐCCT nhà ở CBCNV khu Đồi Xôi	-	55.855.023
- Khoản KSCT khu nghỉ dưỡng Đá Chồng	20.756.642.699	8.736.880.782
Sửa chữa lớn dở dang	-	-
Cộng	20.756.642.699	8.792.735.805

5.8 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Giá trị còn lại của cần khoan đã xuất dùng	18.483.597.796	11.017.248.888
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	600.000.000
Cộng	18.483.597.796	11.617.248.888

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

Địa chỉ: Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.9 Vay và nợ ngắn hạn

	<u>31/12/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
Vay ngắn hạn	81.072.508.767	115.239.851.843
- Ngân hàng TMCP ĐT & PT Quảng Ninh	19.854.921.768	41.987.949.411
- Ngân hàng TMCP Công thương Cẩm Phả	24.749.637.632	30.716.303.289
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Quảng Ninh	26.566.323.858	31.502.899.656
- Công ty Tài chính Than - Vinacomin	-	11.032.699.487
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Quảng Ninh	9.901.625.509	-
Nợ ngắn hạn	-	-
Cộng	<u>81.072.508.767</u>	<u>115.239.851.843</u>

5.10 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>31/12/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
Thuế giá trị gia tăng	11.050.861.349	17.920.009.559
Thuế tiêu thụ đặc biệt	115.942.657	142.061.829
Thuế thu nhập doanh nghiệp	994.523.468	1.813.061.091
Thuế thu nhập cá nhân	34.967.649	113.266.459
Thuế tài nguyên	665.610	727.765
Thuế đất	-	106.310.776
Các khoản phí, lệ phí và các khoản khác	1.125.000	1.230.000
Cộng	<u>12.198.085.733</u>	<u>20.096.667.479</u>

Quyết toán thuế sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.11 Chi phí phải trả

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Chi phí lãi vay	74.272.651	-
Chi phí đi lại	271.355.000	3.712.038.000
Chi phí bồi dưỡng độc hại	1.155.625.041	1.166.280.176
Chi phí kiểm toán	40.000.000	-
Tiền trang phục BHLĐ cho CBCNV	-	3.012.000.000
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng	-	730.691.000
Chi phí thẩm định nghiệm thu Dự án khoan thăm dò bổ sung	183.250.000	-
Chi phí khoán p/v Báo cáo Suối Lại	415.000.000	-
Chi phí khoan thăm dò bổ sung lỗ khoan TBM 132	1.071.886.410	-
Chi phí khác	112.762.314	391.296.324
Cộng	3.324.151.416	9.012.305.500

5.12 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Kinh phí công đoàn	54.961.886	106.071.525
Kinh phí đảng	9.163.600	48.007.477
Bảo hiểm y tế	-	106.524.919
Tiền thưởng tập đoàn	-	144.100.000
Cơ quan văn phòng Công ty	1.293.334.777	518.309.765
Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ	3.470.339.281	-
Các khoản phải nộp khác	792.144.082	658.463.034
Cộng	5.619.943.626	1.581.476.720

5.13 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Vay dài hạn	18.050.432.229	40.139.605.254
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển QN	4.546.200.000	1.084.544.023
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội QN	2.000.000.000	6.878.014.364
Ngân hàng Công thương - CN Cẩm Phả	4.830.000.000	6.547.500.000
Tập đoàn Công nghiệp Than - KSVN	6.674.232.229	25.629.546.867
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	18.050.432.229	40.139.605.254

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương chi nhánh Cẩm Phả bao gồm 01 hợp đồng với tổng số dư nợ vay vào ngày 31/12/2014 là 4.830.000.000 VND (trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 1.380.000.000 VND), thời hạn của các khoản vay là từ 05 năm với lãi suất được điều chỉnh cho từng thời kỳ theo thông báo của Ngân hàng.
- Khoản vay Ngân hàng TMCP SHB Quảng Ninh bao gồm 01 hợp đồng với tổng số dư nợ vay vào ngày 31/12/2014 là 2.000.000.000 VND (trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 1.573.861.000 VND), thời hạn của các khoản vay là từ 05 năm với lãi suất được điều chỉnh cho từng thời kỳ theo thông báo của Ngân hàng.
- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Quảng Ninh bao gồm 01 hợp đồng với tổng số dư nợ vay vào ngày 31/12/2014 là 4.546.200.000 VND (trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 1.024.000.000 VND), thời hạn của các khoản vay là từ 05 năm với lãi suất được điều chỉnh cho từng thời kỳ theo thông báo của Ngân hàng.
- Khoản vay Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam bao gồm 02 hợp đồng vay bằng USD với tổng số dư nợ vay vào ngày 31/12/2014 là 312.171,76 USD tương đương 6.674.232.229 VND (trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 312.171,76 USD tương đương 6.674.232.229 VND), thời hạn của các khoản vay là 05 năm với lãi suất thả nổi.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT MỎ - TKV

Địa chỉ: Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.14 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Số dư đầu năm trước	58.180.923.087	3.711.877.077	7.205.208.769	-	-	69.098.008.933
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	3.019.120.714	3.019.120.714
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	3.819.076.913	7.205.208.769	-	-	-	17.947.836.082
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(3.819.076.913)	(7.205.208.769)	-	(3.019.120.714)	(14.043.406.396)

Số dư cuối năm trước/đầu năm nay

Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	62.000.000.000	7.098.008.933	-	-	-	76.021.559.333
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	7.428.130.988	7.428.130.988
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	18.747.424.753	-	-	-	-	23.473.290.173
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(7.098.008.933)	-	-	(7.428.130.988)	(26.175.555.741)
Số dư cuối năm nay	80.747.424.753	-	-	-	-	80.747.424.753

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Vốn đầu tư của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	80.747.424.753	62.000.000.000
Cộng	80.747.424.753	62.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn đầu tư đầu năm	62.000.000.000	58.180.923.087
Vốn đầu tư tăng trong năm	18.747.424.753	3.819.076.913
Lãi trong năm nay	-	-
Vốn đầu tư giảm trong năm	-	-
Vốn đầu tư cuối năm	80.747.424.753	62.000.000.000

Các quỹ của Công ty

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	-	7.098.008.933
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	6.923.550.400
Cộng	-	14.021.559.333

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	434.253.426.753	423.652.235.557
Doanh thu dịch vụ khảo sát địa chất	426.206.759.482	414.171.007.479
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.046.667.271	9.481.228.078

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	1.368.039.162	897.647.634
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.368.039.162	897.647.634

6.3 Doanh thu thuần

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
D. thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	432.885.387.591	422.754.587.923
Doanh thu thuần dịch vụ khảo sát địa chất	426.206.759.482	414.171.007.479
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	6.678.628.109	8.583.580.444

6.4 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Giá vốn dịch vụ khảo sát địa chất	373.135.596.156	363.662.923.483
Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.707.422.059	8.583.580.444
Cộng	379.843.018.215	372.246.503.927

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.322.246	58.150.691
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	84.820.469	230.322.999
Cộng	108.142.715	288.473.690

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT MỎ - TKV

Địa chỉ: Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

6.6 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2014	Năm 2013
	(VND)	(VND)
Lãi tiền vay	6.890.948.879	10.746.239.006
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	230.577.838	573.539.966
Cộng	7.121.526.717	11.319.778.972

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014	Năm 2013
	(VND)	(VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	170.292.328.893	167.262.561.400
Chi phí nhân công	128.101.144.749	123.717.255.596
Chi phí khấu hao TSCĐ	21.854.348.212	31.019.327.086
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.303.392.102	17.675.258.170
Chi phí khác bằng tiền	74.894.946.849	64.442.981.411
Cộng	425.446.160.805	404.117.383.663

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn được nhận biết là các bên liên quan của Công ty. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01 - Báo cáo doanh thu nội bộ trong Tập đoàn.
- Phụ biểu 02 - Báo cáo phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn.
- Phụ biểu 03 - Báo cáo chi tiết tài sản mua trực tiếp từ các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn.

7.2 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã thực hiện tái cơ cấu theo quyết định số 731/QĐ - TKV ngày 08/04/2014 về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, cụ thể như sau:

Từ ngày 01/05/2014, các Chi nhánh trực thuộc Công ty gồm: Xí nghiệp Địa Chất Cẩm Phả, Xí nghiệp Trắc địa - Bản đồ, Xí nghiệp Dịch vụ du lịch địa chất chấm dứt hoạt động; Đồng thời chuyển toàn bộ chức năng nhiệm vụ, lao động, tài sản ... của Chi nhánh về Công ty trực tiếp quản lý.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH MTV số 5701436805, thay đổi lần 5 ngày 17/12/2014.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT MỎ - TKV

Địa chỉ: Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

7.3 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Thực hiện Quyết định số 119/QĐ-TKV ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV, Công ty đang thực hiện các công việc để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV.

Ngoài ra, đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.4 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Hồng Lan

KẾ TOÁN TRƯỞNG GIÁM ĐỐC

Lê Thị Kim Dung

CHỮ KÝ THỰC TẾ ĐÁP ỨNG VỚI BẢN CHÍNH
Số đăng thực..... Quyển Số.....
Ngày..... 5/11..... Tháng..... 9..... năm 2015.....

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG CẨM THÀNH

Đỗ Khải Hoàn